

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

## 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Tetrahydrolinalool**

Sử dụng: Hóa chất, Chemical for detergents, Cosmetic and oral care chemical, flavoring substance

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Kích ứng mắt: Cat.2A

Kích ứng da: Cat.2

Chất lỏng dễ cháy: Cat.4

Chất gây dị ứng da: Cat.1B

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat.2

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025



Cảnh báo:  
Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H227	Chất lỏng cháy được.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H315	Gây kích ứng da.
H317	Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H401	Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

P280	Đeo găng tay bảo vệ và bảo vệ mắt/ mặt.
	Tránh hít phải sương hoặc hơi hoặc bụi nước
P280	Mang dụng cụ bảo vệ mắt.
P273	Tránh thải vào môi trường.
P210	Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa hở/các bề mặt nóng. – Không hút thuốc.
P272	Áo quần làm việc bị nhiễm bẩn hóa chất không được phép mang ra khỏi khu vực làm việc.
P264	Rửa kỹ với nhiều nước và xà phòng sau khi sử dụng.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P305+P351+P338	NẾU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.
P302+P352	NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa sạch với nhiều xà phòng và nước.
P333+P313	Nếu kích ứng da kéo dài hoặc bị phát ban: Yêu cầu trợ giúp y tế
P332+P313	Nếu kích ứng da xuất hiện: Yêu cầu trợ giúp y tế
P362 + P364	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
P337+P313	Nếu kích ứng mắt kéo dài: Yêu cầu trợ giúp y tế
P370 + P378	Trong trường hợp cháy: Sử dụng bột, bọt foam hay CO2 chữa cháy để dập tắt.

Lưu ý khi bảo quản:

P403	Cất trữ ở nơi được thông thoáng tốt.
------	--------------------------------------

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

### 3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

3,7-dimethyloctan-3-ol  
Số CAS: 78-69-3

### **Thành phần nguy hại**

3,7-dimethyloctan-3-ol	Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$ - $\leq 100\%$ Số CAS: 78-69-3	Flam. Liq.: Cat. 4 Kích ứng da: Cat. 2 Kích ứng mắt: Cat. 2A Skin Sens.: Cat. 1B Aquatic Acute: Cat. 2
3,7-dimethyloctadien-1,6-ol-3	Hàm lượng (W/W): $> 0\%$ - $< 0.1\%$ Số CAS: 78-70-6	Flam. Liq.: Cat. 4 Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng) Kích ứng da: Cat. 2 Kích ứng mắt: Cat. 2A Skin Sens.: Cat. 1B Aquatic Acute: Cat. 3
geraniol	Hàm lượng (W/W): $> 0\%$ - $< 0.1\%$ Số CAS: 106-24-1	Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng) Skin Corr./Irrit.: Cat. 2 Eye Dam./Irrit.: Cat. 1 Aquatic Acute: Cat. 3 Skin Sens.: Cat. 1
3,7-dimethyl-2,6-octadien-1-al	Hàm lượng (W/W): $> 0\%$ - $< 0.1\%$ Số CAS: 5392-40-5	Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng) Acute Tox.: Cat. 5 (trên da) Kích ứng da: Cat. 2 Kích ứng mắt: Cat. 2A Aquatic Acute: Cat. 2 Skin Sens.: Cat. 1

## **4. Biện pháp sơ cứu về y tế**

Khuyến cáo chung:  
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:  
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Khi tiếp xúc với mắt:  
rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to, tư vấn với chuyên gia mắt

Khi nuốt phải:  
Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:  
Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.  
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

## 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
cacbon dioxide, bột khô, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:  
Vòi phun nước

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
các oxit cacbon, những chất dạng hơi có hại  
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Chất lỏng dễ cháy

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:  
Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước.

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:  
Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8. Đảm bảo hệ thống thông thoáng đầy đủ. Không hít thở hơi/bụi nước. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:  
Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bao phủ bằng lớp bột foam (rượu - chống foam). Bơm hút sản phẩm.

Cho phần còn lại: Chứa đựng với vật liệu hấp thụ (vd. cát, gien silica, chất gắn axit, chất gắn đa năng, mùn cưa).

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Mặc quần áo bảo hộ lao động và đeo thiết bị bảo vệ mắt/ mặt phù hợp Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Giữ thùng chứa thật kín. Sản phẩm có thể gây các triệu chứng kích ứng; nên rửa tay sau khi tiếp xúc.

Phòng chống cháy nổ:

Sản phẩm dễ cháy. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện. Nếu tiếp xúc với cháy, giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước. Hơi có thể hình thành hỗn hợp nổ với khí.

Hướng dẫn bảo quản

Nhạy mùi: Cách ly với các chất phát sinh mùi.

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát. Bảo vệ các thùng chứa không bị hư hỏng vật lý. Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

3,7-dimethyl-2,6-octadien-1-al, 5392-40-5;

Giá trị TWA 5 ppm (ACGIHTLV), Có thể hít phải hơi hoá chất

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV), Có thể hít phải hơi hoá chất

Nguy cơ hấp thụ qua da

Tên chất làm kích ứng da (ACGIHTLV), Có thể hít phải hơi hoá chất

Nguy cơ hấp thụ qua da

Thiết bị bảo hộ cá nhânBảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm  
Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	không màu	
Mùi:	mùi hương hoa, hơi ngọt	
Ngưỡng mùi:	< 100 ppm	
Giá trị pH:	7	
Điểm làm lạnh:	-56 °C (1,013 hPa) Dữ liệu tài liệu.	
Điểm sôi:	197 °C (1,013.25 hPa)	(được đo lường)
Điểm chớp cháy:	77 °C	(DIN 51758, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Chất lỏng cháy được.	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	1.3 %(V) (74 °C)	(không khí)
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	
Nhiệt độ tự cháy:	360 °C	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	tương đương 470 °C	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Chất không có khả năng tự gia nhiệt.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan
Áp suất hơi:	1 mbar (20 °C) 3 mbar (50 °C)
Tỷ trọng:	0.826 g/cm <sup>3</sup> (25 °C) Dữ liệu tài liệu.
Tỷ trọng tương đối:	0.826 (25 °C)
Tỷ trọng hơi (không khí):	> 1 (20 °C) Nặng hơn không khí. (được tính toán)
Tính tan trong nước:	0.320 g/l (25 °C, 1,013 hPa)
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	3.3 (20 - 23 °C) (OECD-Hướng dẫn 107)
Hấp thụ/nước - đất:	KOC: 56.3; biểu đồ KOC: 1.75 (được tính toán)
Sức căng bề mặt:	26.78 mN/m (25 °C; 100 %(V))
Tính nhớt, động lực:	11.063 mPa.s (25 °C) Dữ liệu tài liệu.
Tính nhớt, động học:	17.4 mm <sup>2</sup> /s (23 °C)
Khối lượng mol:	158.28 g/mol

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: tương đương 470 °C (DDK (DIN 51007))

Những chất cần tránh:

Không có bất cứ vấn đề nào trong quá trình sử dụng và bảo quản nếu tuân thủ các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Sự ăn mòn kim loại: Không ăn mòn kim loại

Những phản ứng nguy hiểm:  
Phản ứng với các axit.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:  
Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:  
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:  
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
LD50chuột (miệng): 8,270 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

#### Độc cấp tính khi hít phải

chuột (bằng cách hít phải): 8 h (IRT)  
Thí nghiệm nguy cơ khi hít vào (IRT): Không có trường hợp tử vong nào trong vòng 8 giờ cho thấy trong các cuộc nghiên cứu động vật. Không có dấu hiệu cho thấy nguy hại độc tính khi hít phải hỗn hợp hơi nước-không khí được bão hòa cao.

#### Độc cấp tính trên da

LD50 thỏ (da): > 5,000 mg/kg

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Thí nghiệm nguy cơ khi hít vào (IRT): Không có trường hợp tử vong nào trong vòng 8 giờ cho thấy trong các cuộc nghiên cứu động vật. Không có dấu hiệu cho thấy nguy hại độc tính khi hít phải hỗn hợp hơi nước-không khí được bão hòa cao.

#### Triệu chứng

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11.

#### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:  
Tiếp xúc da gây kích ứng. Tiếp xúc với mắt gây kích ứng.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)

Ăn mòn/Kích ứng da con người: Gây kích ứng. (Hướng dẫn OECD 439)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: Gây kích ứng. (Thí nghiệm BASF)



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

## **Dị ứng da/hô hấp**

Đánh giá tính nhạy cảm:

Là nguyên nhân gây mẫn cảm da trong nghiên cứu động vật.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm LLNA chuột: làm mẫn cảm da (OECD Hướng dẫn 429)

## **Gây đột biến tế bào**

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Không tác dụng đột biến nào được tìm thấy trong nhiều thí nghiệm khác nhau trên vi khuẩn và tế bào động vật có vú.

## **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.

## **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

## **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:

Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

## **Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

Ghi chú: Theo các dữ liệu hiện tại, các yếu tố phân loại không thích hợp.

## **Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Những tác động lên thận của chuột cái đã được ghi nhận sau khi tiếp xúc lặp lại. Những tác động này chỉ đặc trưng đối với chuột cái và được chứng minh không liên quan đến sức khỏe con người. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

## **Nguy cơ khi hít vào**

Không có sẵn các dữ liệu.

## 12. Thông tin về sinh thái

### Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Độc cấp tính cho thủy sinh vật. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 8.9 mg/l, *Brachydanio rerio* (OECD - Hướng dẫn 203, bán tĩnh)

Nồng độ danh nghĩa.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 14.2 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1, tĩnh điện)

Báo cáo về tác động gây độc có liên quan nồng độ xác định phân tích.

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 22 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Scenedesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 9, tĩnh điện)

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 (0.5 h) 450 mg/l, *Pseudomonas putida* (DIN 38412 Phần 27 (nháp), ở dưới nước)

Sản phẩm có tính hòa tan thấp trong môi trường thí nghiệm. Dung dịch được pha chế với các chất làm hòa tan được tiến hành thí nghiệm.

Độc mãn tính cho loài cá:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Các nghiên cứu khoa học chưa được chứng minh.

### Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Chất sẽ từ từ bay hơi vào trong không khí từ mặt nước.

Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

### Tính bền và tính biến chất

Thông tin bị đào thải:

tương đương 60 - 70 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301F; ISO 9408; 92/69/EEC, C.4-D) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải sinh hoạt) Có thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

Đánh giá tính ổn định trong nước:

Chất dễ dàng phân huỷ sinh học, vì vậy sự thủy phân không được dự kiến sẽ có liên quan.

### Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Không có khả năng tích lũy đáng kể trong sinh khối.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

Sản phẩm không được thí nghiệm. Công bố dựa trên cấu trúc của sản phẩm.

Khả năng tích lũy sinh học:

Yếu tố nồng độ sinh học: 99.87 (được tính toán)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Công bố dựa trên cấu trúc của sản phẩm.

### 13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

### 14. Thông tin khi vận chuyển

#### Vận chuyển nội địa:

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

#### Vận tải đường thủy

IMDG	
Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải	
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt	Chưa có thông tin

#### Sea transport

IMDG	
Not classified as a dangerous good under transport regulations	
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Marine pollutant:	no
Special precautions for	None known

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

cho người dùng

user

#### Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Số UN hoặc số ID: Không áp dụng

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: Không áp dụng

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng

Nhóm đóng gói: Không áp dụng

Mối nguy hiểm về môi trường: Không áp dụng

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Chưa có thông tin

#### Air transport

IATA/ICAO

Not classified as a dangerous good under transport regulations

UN number or ID number: Not applicable

UN proper shipping name: Not applicable

Transport hazard class(es): Not applicable

Packing group: Not applicable

Environmental hazards: Not applicable

Special precautions for user None known

## 15. Thông tin về pháp luật

### Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 09.07.2024  
Sản phẩm: **Tetrahydrolinalool**

Phiên bản: 1.0

(30034995/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 12.10.2025

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

-Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

---

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

---

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.